

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HẬU GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/KDTM-PT

Ngày: 27-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Ngân**.

Các Thẩm phán: Ông **Trương Đình Nghệ**.

Bà **Đào Thị Thủy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Phương Nhã** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà **Phùng Bích Tuyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/KDTM - ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Địa chỉ: T T, phường L, quận H, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ca Thanh B, sinh năm 1964 - Chức vụ: Chuyên viên quản lý rủi ro Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đ. (Có mặt)

Hoặc ông Nguyễn Ngọc Á - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ TTXLN Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đ. (Vắng mặt)

Hoặc ông Lê Thượng L - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý TTXLN Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đ. (Vắng mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023.

Cùng địa chỉ: Số A, Hòa Bình, phường A, quận N, TP ..

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần S**

Địa chỉ: Cụm C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng B2) có người đại diện hợp pháp là ông Lê Thượng L trình bày:

Trước đây Ngân hàng B2 chi nhánh C có ký kết cho Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) vay vốn theo các hợp đồng như sau: Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 0193/10/HĐ ngày 29/3/2010 gọi tắt là hợp đồng 0193/10, Hợp đồng tín dụng theo món số: 002/2012/HĐ ngày 13/01/2012 gọi tắt là hợp đồng số 002/2012, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 024/2012/HĐ ngày 04/06/2012 gọi tắt là hợp đồng số 024/2012, Hợp đồng tín dụng số: 001/2014/HĐ ngày 03/01/2014 gọi tắt là hợp đồng 001/2014, Hợp đồng tín dụng số: 001/2015/2464132/HĐTD ngày 28/01/2015 gọi tắt là hợp đồng 001/2015. Công ty S đã nhận giải ngân theo các bảng kê rút vốn và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng. Để đảm bảo cho các khoản vay Công ty S có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0480/2010/HĐ gọi tắt là hợp đồng 0480/2010 ngày 23/7/2010 và Hợp đồng thế chấp số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 gọi tắt là hợp đồng 028/2012.

Tổng số tiền vay cho các hợp đồng là 29.065.356.630 đồng, Công ty S đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng nợ gốc là trên 22 tỷ đồng, còn lại nợ gốc là 6.826.449.500 đồng.

Do Công ty S vi phạm thời hạn trả nợ nên giữa Công ty S và Ngân hàng đã thỏa thuận bán một số tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ. Còn lại một số tài sản thế chấp chưa được xử lý gồm: Tài sản thế chấp theo hợp đồng 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 gồm: Trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng; Bộ ống thép bơm Bê tông; Máy bơm và hạng mục khoan giếng; Thiết bị cọc ván. Tài sản thế chấp theo hợp đồng 0480/2010/HĐ ngày 23/7/2010 gồm Khuôn công phi 1500x3m. Tuy nhiên, hiện nay tài sản thế chấp này chỉ còn lại Thiết bị cọc ván, các tài sản còn lại đã bị mất.

Do đó, Ngân hàng B2 yêu cầu đối với tài sản bị mất thì Công ty S phải bồi thường lại giá trị theo Biên bản định giá ngày 03/01/2014 và ngày 07/11/2014 giữa ngân hàng và Công ty S, cụ thể như sau: Trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng với giá trị là 139.283.097 đồng, B1 ống thép bơm Bê tông với giá trị là 56.065.741 đồng, Máy bơm và hạng mục khoan giếng với giá trị là 27.810.056 đồng, K công phi 1500x3m với giá trị là 46.000.000 đồng. Đối với thiết bị cọc ván thì đề nghị phát mãi theo quy định của pháp luật.

Nay Ngân hàng B2 khởi kiện yêu cầu Công ty S phải thanh toán cho Ngân hàng B2 gốc lãi tính đến ngày 25/12/2023 với tổng số tiền là 27.361.767.029 đồng, trong đó nợ gốc là 6.826.449.500 đồng, nợ lãi 20.535.317.529 đồng.

Buộc Công ty S tiếp tục trả nợ lãi vay phát sinh tính từ ngày 26/12/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 0193/10/HĐ ngày 29/3/2010, Hợp đồng tín dụng theo món số: 002/2012/HĐ ngày 13/01/2012, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 024/2012/HĐ ngày 04/06/2012, Hợp đồng tín dụng số: 001/2014/HĐ ngày 03/01/2014, Hợp đồng tín dụng số: 001/2015/2464132/HĐTD ngày 28/01/2015 cho đến khi Công ty S thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng B2.

Trường hợp Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ, Ngân hàng BIDV được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp số 0480/2010/HĐ ngày 23/7/2010 và Hợp đồng thế chấp số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 đối với Thiết bị cọc ván theo quy định pháp luật, đối với các tài sản bị mất thì yêu cầu trả theo giá trị khấu hao như trên để Ngân hàng B2 thu hồi nợ.

Sau khi phát mãi xong tài sản thế chấp mà không thu hồi đủ nợ thì Công ty S phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ nợ còn lại cho Ngân hàng B2.

Bị đơn - Công ty S có người đại diện theo pháp luật là ông Đặng Xuân T1 trình bày như sau:

Ông thống nhất theo ý kiến trình bày của đại diện Ngân hàng B2 về quá trình ký kết các hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp giữa Công ty S với Ngân hàng B2. Ông thống nhất tính đến ngày 25/12/2023, Công ty S còn nợ của Ngân hàng B3 tổng số tiền là 27.361.767.029 đồng, trong đó nợ gốc là 6.826.449.500 đồng, nợ lãi 20.535.317.529 đồng.

Đối với tài sản thế chấp, ông có ý kiến như sau:

Trước đây, khi vay vốn tại Ngân hàng B2 thì Công ty S có thế chấp các tài sản chưa được xử lý gồm: Trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng; Bộ ống thép bơm bê tông; Máy bơm và hạng mục khoan giếng; Thiết bị cọc ván; Khuôn cổng phi 1.500x3m. Đối với các tài sản thế chấp, hiện tại chỉ còn lại tài sản là Thiết bị cọc ván, còn các tài sản khác hiện tại không còn.

Công ty T3 T2 đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 26/12/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 0193/10/HĐ ngày 29/3/2010, Hợp đồng tín dụng theo món số: 002/2012/HĐ ngày 13/01/2012, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 024/2012/HĐ ngày 04/06/2012, Hợp đồng tín dụng số: 001/2014/HĐ ngày 03/01/2014, Hợp đồng tín dụng số: 001/2015/2464132/HĐTD ngày 28/01/2015 cho đến khi Công ty S thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng B2.

Trường hợp Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ, Ngân hàng B2 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm

quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Thiết bị cọc ván theo đồng thể chấp số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012. Đối với những tài sản thế chấp đã bị mất theo Hợp đồng thế chấp số 0480/2010/HĐ ngày 23/7/2010 và Hợp đồng thế chấp số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 không thể phát mãi thì bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì bị đơn vẫn nhận trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Sau khi phát mãi xong tài sản thế chấp mà không thu hồi đủ nợ thì Công ty S có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ nợ còn lại cho Ngân hàng B2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/KDTM - ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B2 đối với bị đơn Công ty S.

Buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B2 số tiền gốc và lãi là 27.463.416.997 đồng (*Hai mươi bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 6.826.449.500 đồng (*Sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm đồng*), lãi phát sinh đến ngày 03/3/2024 là 20.636.967.497 đồng (*Hai mươi tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó lãi trong hạn là 18.433.297.462 đồng (*Mười tám tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*), lãi quá hạn là 2.206.912.159 đồng (*Hai tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, chín trăm mười hai nghìn, một trăm năm mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 04/3/2024, nếu Công ty S chậm thanh toán đối với số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải chịu lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty S không thanh toán đủ số tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng B2 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đối với những tài sản chưa được xử lý gồm: Trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng; Bộ ống thép bơm bê tông; Máy bơm và hạng mục khoan giếng; Thiết bị cọc ván; Khuôn công phi 1.500x3m Hợp đồng số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 và Hợp đồng thế chấp số 0480/2010/HĐ ngày 23/7/2010. Sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn không đủ số tiền thanh toán nợ thì Công ty S vẫn phải tiếp tục thanh toán phần còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Không xem xét yêu cầu của Ngân hàng B2 đòi Công ty S bồi thường thiệt hại đối với tài sản thế chấp bị mất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/3/2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/KDTM -

ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm số 05/2024/KDTM - ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B2 đòi Công ty S bồi thường thiệt hại đối với tài sản thế chấp bị mất, đồng thời xác định lỗi của các cá nhân, tổ chức làm thất thoát tài sản thế chấp đó.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến về nội dung vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn không được thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, yêu cầu này chỉ phát sinh sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bên thực hiện việc tiếp cận và công khai chứng cứ nên đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để bổ sung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng cáo của Ngân hàng B2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Khi vay vốn, Công ty S có thể chấp cho Ngân hàng B2 các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0480/2010/HĐ gọi tắt là hợp đồng 0480/2010 ngày 23/7/2010 và Hợp đồng thế chấp số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 gọi tắt là hợp đồng 028/2012.

Do Công ty S vi phạm thời hạn trả nợ, Công ty S và Ngân hàng B2 đã thỏa thuận bán một số tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ. Còn lại một số tài sản thế chấp chưa được xử lý gồm: Tài sản thế chấp theo hợp đồng 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 là Trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng; Bộ ống thép bơm Bê tông; Máy bơm và hạng mục khoan giếng; Thiết bị cọc ván. Tài sản thế chấp theo hợp đồng 0480/2010/HĐ ngày 23/7/2010 là Khuôn cồng phi 1500x3m. Hiện nay, trong các tài sản thế chấp này chỉ còn Thiết bị cọc ván, các tài sản thế chấp khác đã bị mất.

[2] Xét thấy, Công ty S chỉ ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo trả cho các khoản nợ vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký, các tài sản thế chấp bị mất vẫn là tài sản hợp pháp của Công ty S. Việc tài sản bị mất thì Công ty S là bên bị thiệt hại, Công ty S vẫn thống nhất nghĩa vụ trả nợ về gốc và lãi cho Ngân hàng B2, việc phát mãi tài sản chỉ thực hiện khi Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B2. Trường hợp phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì Công ty S vẫn có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B2.

[3] Hơn nữa, yêu cầu bồi thường thiệt hại của Ngân hàng B2 không được thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp giữa các bên. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía đại diện Ngân hàng cũng thừa nhận yêu cầu này không được thể hiện tại đơn khởi kiện và cũng không có đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện; yêu cầu này chỉ phát sinh sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bên thực hiện việc tiếp cận và công khai chứng cứ; do đó, yêu cầu này đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Ngân hàng B2 yêu cầu Công ty S phải bồi thường thiệt hại về tài sản thế chấp bị mất là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] Đối với yêu cầu xác định lỗi của các cá nhân, tổ chức làm thất thoát tài sản thế chấp của Ngân hàng B2. Do yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thế chấp bị mất của Ngân hàng B2 không có cơ sở xem xét nên đối với yêu cầu xác định lỗi cũng có cơ sở để đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 117, 280, 299, 320, 352, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn Công ty cổ phần S.

Buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B2 số tiền gốc và lãi là 27.463.416.997 đồng (*Hai mươi bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 6.826.449.500 đồng (*Sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm đồng*), lãi phát sinh đến ngày 03/3/2024 là 20.636.967.497 đồng (*Hai mươi tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó lãi trong hạn là 18.433.297.462 đồng (*Mười tám tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*), lãi quá hạn là 2.206.912.159 đồng (*Hai tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, chín trăm mười hai nghìn, một trăm năm mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 04/3/2024, nếu Công ty S chậm thanh toán đối với số tiền nêu trên cho Ngân hàng B2 thì Công ty S còn phải chịu lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Công ty S không thanh toán đủ số tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng B2 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đối với những tài sản chưa được xử lý gồm: Trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng; Bộ ống thép bơm bê tông; Máy bơm và hạng mục khoan giếng; Thiết bị cọc ván; Khuôn cống phi 1.500x3m trong Hợp đồng số 028/2012/HĐ ngày 16/5/2012 và Hợp đồng thế chấp số 0480/2010/HĐ ngày 23/7/2010. Sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn không đủ số tiền thanh toán nợ thì Công ty S vẫn phải tiếp tục thanh toán phần còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Không xem xét yêu cầu của Ngân hàng B2 đòi Công ty S bồi thường thiệt hại đối với tài sản thế chấp bị mất.

3. Chi phí tố tụng: Công ty S phải nộp 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền thăm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng B2.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty S phải chịu 67.731.700 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng B2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 67.237.295 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng*) theo biên lai số 0012254 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng B2 phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Ngân hàng B2 đã nộp là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai số 0004445 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ngân hàng B2 không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 27/8/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân